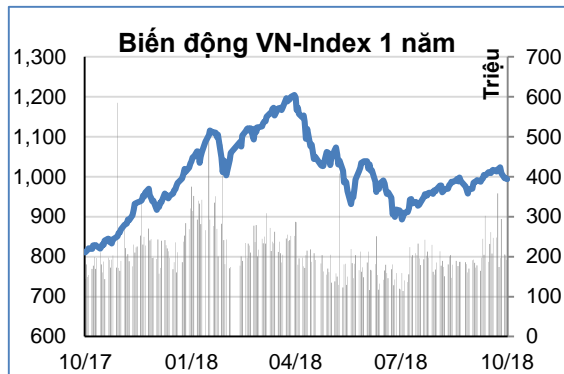


## Biến động thị trường

	10/10	1T (%)	3T (%)
VN Index	994	2.4%	9.1%
GTGD	4,343	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-353	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



## Bán mạnh ở nhóm Mid-Cap

- Các chỉ số thị trường tiếp tục dao động trong biên độ hẹp với lực bán vẫn đang chiếm thế áp đảo. VN-Index đóng cửa giảm 0.22% neo tại 993.96 điểm. Thanh khoản đạt 171 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương ứng 3,765 tỷ đồng giá trị.
- Lực bán tiếp tục chiếm ưu thế đặc biệt là nhóm Mid-Cap khi giảm tới -0.67% với TCM, NKG, PVD, AAA, BMP... giảm trên 3% với TCM, NKG, BMP có lúc đã chạm sàn. Trong khi đó, VN30-Index và VNSml-Index giảm lần lượt -0.11% và -0.23%.
- Thị trường vẫn xuất hiện các trụ đỡ như GAS, HPG, PNJ, MWG, VJC, VRE tăng nhẹ. Trong khi đó, MSN, VNM, BID gây giảm chỉ số nhiều nhất với MSN và VNM tiếp tục nổi dài xu hướng giảm.
- Khối ngoại tiếp tục nổi dài chuỗi phiên bán ròng khi tiếp tục bán ròng 353 tỷ đồng trên sàn HSX. VIC, HPG và NVL bị bán ra nhiều nhất với giá trị 83 tỷ đồng, 67 tỷ đồng và 60 tỷ đồng. Ở chiều mua, khối này tập trung vào các mã SBT, GEX và PTB.

**Nhận định thị trường:** Thị trường đang tiếp tục suy yếu bất chấp lực cầu bất đáy trong phiên. Các nhóm cổ phiếu tiếp tục phân hóa. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng và chờ đợi diễn biến giá tại vùng hỗ trợ trước khi hành động.

## Trái phiếu và Hàng hóa

	10-10	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.105%	4.383%	2.410%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.332%	4.603%	3.158%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.075%	5.238%	4.865%
Dầu WTI (\$/thùng)	75.02	67.54	74.11
Gold (\$/oz)	1,187	1,196	1,256

Nguồn: Bloomberg

## Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	19.9	17.0	14.3

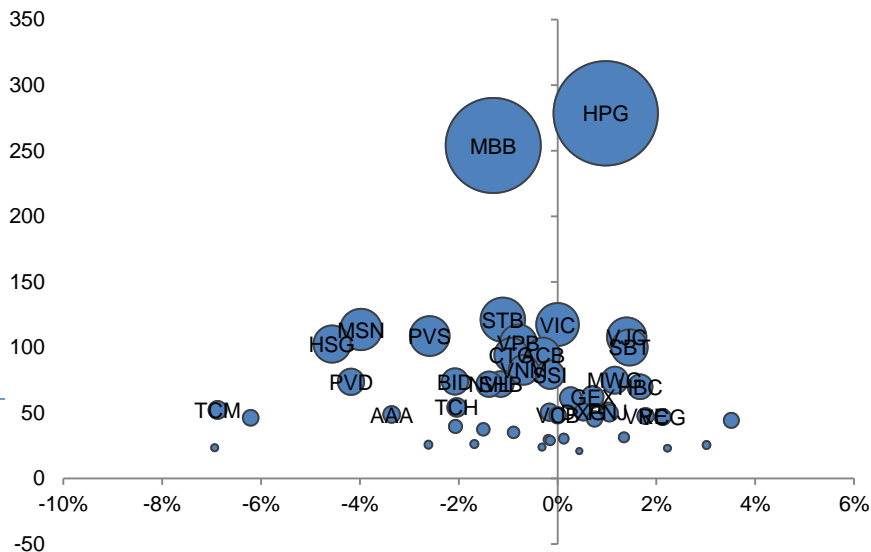
## Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468  
Phat.pt@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464  
Hieu.ttm@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

# Phân tích kỹ thuật

## VN-Index

Hỗ trợ 1: 993-997

Kháng cự 1: 1,030-1,040

Hỗ trợ 2: 970-980

Kháng cự 2: 1,060-1,080

### Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index tiếp tục nhịp điều chỉnh với cây nến giảm điểm. Giá hiện đóng cửa quanh đường trendline hỗ trợ trung hạn quanh 993-995 điểm. Khối lượng ghi nhận phiên sụt giảm phiên thứ 3 liên tiếp và duy trì dưới trung bình 10 phiên khi chỉ đạt 172 triệu đơn vị. Như vậy, khối lượng đang trong chiều hướng sụt giảm cho thấy áp lực bán đang suy yếu.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), tín hiệu ngắn hạn đang tiếp tục tiêu cực. Tuy nhiên, giá vẫn chưa phá vỡ hoàn toàn đường xu hướng tăng kể từ đầu tháng 07/2018. Chỉ báo RSI cũng đang chứng lại đà giảm. Như vậy, các tín hiệu kỹ thuật cho thấy xu hướng tăng của VN-Index vẫn chưa bị phá vỡ. Nếu chỉ số bật tăng trở lại từ vùng 993-995 điểm tương ứng đường trendline sẽ là tín hiệu mạnh xác nhận xu hướng tăng của chỉ số vẫn duy trì.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự kiến đang hình thành với giá mục tiêu quanh 1,027-1,040 điểm.

### Hành động

VN-Index tiếp tục nhịp điều chỉnh nhưng xu hướng tăng vẫn chưa bị bẻ gãy. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu nếu vùng 993-995 điểm hỗ trợ tốt trong phiên ngày mai. Ngược lại, nếu chỉ số đóng cửa dưới vùng 993-995 điểm, nhà đầu tư nên canh hạ tỷ trọng nắm giữ.

# Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX				Tăng / Giảm		Tăng / Giảm (%)		Thống kê tăng/giảm			
VN-Index		<b>994</b>		-2.23		-0.2%		SL CP tăng giá			109
KLGD ('000 cổ phiếu)		191,361		-11,233		-5.5%		SL CP giảm giá			172
GTGD (tỷ VND)		4,343		10		0.2%		SL CP không đổi			85
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
GAS	121,000	1,700	1.03	MSN	84,500	-3,500	-1.288	HPG	41,400	6.74	278.6
SAB	226,000	2,800	0.57	BID	35,350	-750	-0.811	MBB	22,750	11.20	254.0
VRE	40,000	700	0.42	VNM	130,000	-900	-0.496	STB	13,400	9.02	121.1
VJC	145,000	2,000	0.34	CTG	26,450	-250	-0.294	VIC	96,600	1.21	117.5
HPG	41,400	400	0.27	NVL	64,000	-900	-0.258	MSN	84,500	1.32	113.6

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
CNTT	1.1%	0.11	TD thiết yếu	-0.9%	-1.56
Dịch vụ tiện ích	1.0%	0.89	Tài chính	-0.6%	-1.80
Y Tế	1.0%	0.00	Năng lượng	-0.5%	-0.16
TD không thiết yếu	0.9%	0.18	Nguyên vật liệu	-0.4%	-0.18
Công nghiệp	0.3%	0.12	Khác	-0.2%	0.00

SÀN GIAO DỊCH HNX				Tăng / Giảm		Tăng / Giảm (%)		Thống kê tăng/giảm			
HNX-Index		<b>114</b>		-0.54		-0.5%		SL CP tăng giá			94
KLGD ('000 cổ phiếu)		40,749		-254		-0.6%		SL CP giảm giá			90
GTGD (tỷ VND)		566		-5		-0.8%		SL CP không đổi			188
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VCS	85,500	2,500	0.08	PVS	22,600	-600	-0.14	PVS	22,600	4.75	108.7
NVB	9,400	100	0.03	ACB	33,600	-100	-0.13	ACB	33,600	2.81	94.4
TV2	150,000	5,500	0.03	SHB	8,600	-100	-0.11	SHB	8,600	8.34	72.0
VCG	19,200	400	0.03	TNG	15,400	-1,700	-0.06	VCG	19,200	2.43	46.8
NDN	16,100	500	0.02	VGC	18,200	-200	-0.04	TNG	15,400	1.71	28.1

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
Khác	45.4%	-0.01	Tài chính	-0.2%	-0.21
TD thiết yếu	16.0%	-0.01	Dịch vụ tiện ích	-0.1%	0.00
TD không thiết yếu	10.4%	-0.06			
Công nghiệp	4.6%	-0.07			
Nguyên vật liệu	4.0%	0.02			

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SBT	20,900	31.4	2.6	28.8
GEX	28,450	10.7	3.9	6.8
PTB	68,300	6.8	0.2	6.6
KBC	13,100	12.3	6.6	5.7
YEG	239,100	5.0	0.0	5.0

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VIC	96,600	15.8	99.8	-83.9
HPG	41,400	83.5	151.3	-67.8
NVL	64,000	1.4	61.7	-60.3
VNM	130,000	40.9	83.9	-43.0
MSN	84,500	6.9	48.2	-41.3

## HNX

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

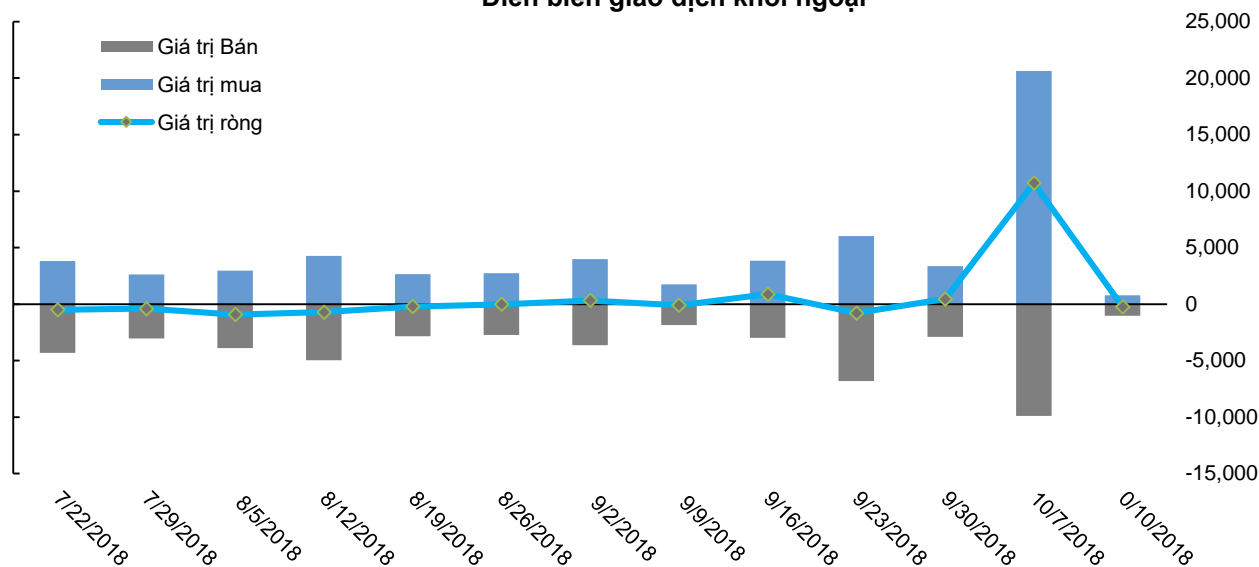
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VCG	19,200	21.6	1.4	20.1
VCS	85,500	1.4	0.5	0.9
SHS	15,700	0.7	0.0	0.7
CEO	13,500	0.2	0.0	0.2
HUT	5,600	0.2	0.0	0.2

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	22,600	0.5	33.6	-33.1
ACB	33,600	0.0	20.1	-20.1
SHB	8,600	0.0	13.4	-13.3
MBS	17,800	0.0	3.2	-3.2
PVB	22,200	0.0	1.3	-1.3

(VNDbn)

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



# Thị trường phái sinh

## Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 960

Kháng cự 1: 1,000

Hỗ trợ 2: 920

Kháng cự 2: 1,020



**Nhận định xu hướng:** VN30-Index tiếp tục nhịp điều chỉnh nhưng giá vẫn duy trì trong đường kênh giá tăng về từ đầu tháng 07.2018. Đồng thời, nhịp điều chỉnh hiện tại nhiều khả năng là sóng 4 điều chỉnh của sóng C của mẫu hình sóng Flat.

Mặc dù tín hiệu kỹ thuật đang khá tiêu cực, xu hướng tăng của VN-Index vẫn chưa bị bẻ gãy. Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm này khi giá bật tăng mạnh từ vùng 961-965 điểm.

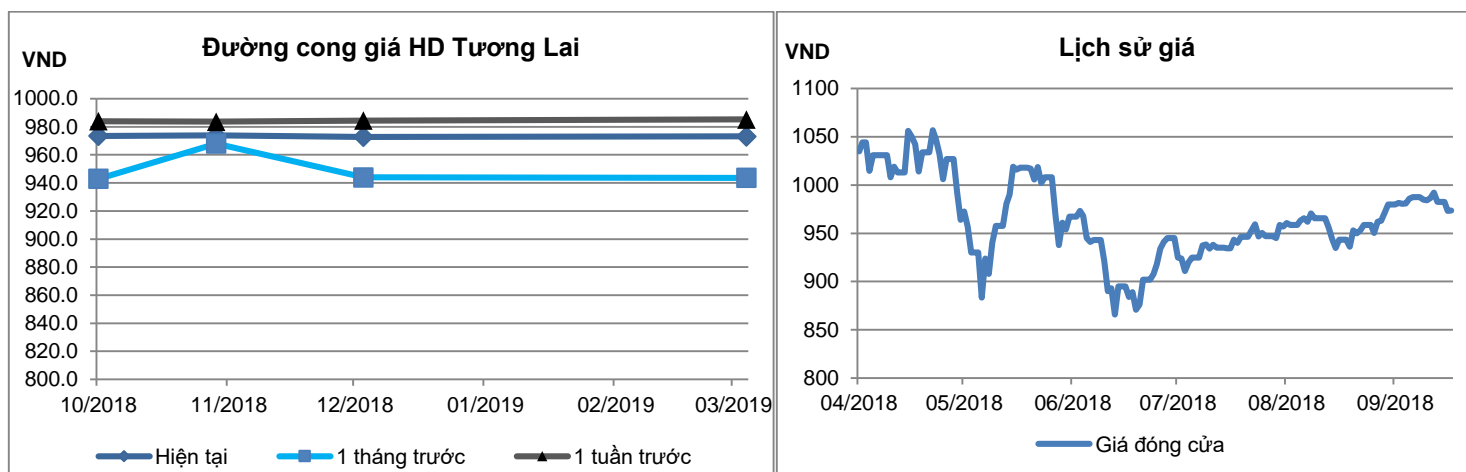
Vì vậy, nhà đầu tư nên quan sát diễn biến của chỉ số tại vùng hỗ trợ kể trên để xác định xu hướng thị trường.

**Chiến lược đầu tư:** Chúng tôi vẫn ưu tiên lệnh long ở nhịp giảm mạnh về ngưỡng 970 điểm khi giá hợp đồng tháng 10 đang được hỗ trợ bởi ngưỡng này. .

-Long VN30F1810 ở nhịp điều chỉnh về vùng 970.5-971.3 điểm. Mục tiêu 986 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng ngưỡng 970.2 điểm.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	966	-1.1	-0.1%	63,817,220			
VN30F1810	972	-1.9	-0.2%	43,355	16,078	18/10/2018	10
VN30F1811	972	-1.5	-0.2%	166	312	15/11/2018	38
VN30F1812	971	-1.9	-0.2%	27	576	20/12/2018	73
VN30F1903	972	-1.2	-0.1%	17	223	21/03/2019	164



## DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

**Lịch sự kiện**

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
11/10/2018	TNW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (650đ/cp)
11/10/2018	CMV	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2017, tạm ứng cổ tức đợt 1/2018 (1.000 đ/cp)
11/10/2018	MIE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
11/10/2018	AMS	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)
11/10/2018	DCD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
11/10/2018	VET	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường năm 2018
12/10/2018	ITD	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2/2017 (900 đ/cp)
12/10/2018	FCN	HSX	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền (500 đ/cp) và cổ phiếu (tỷ lệ 100:5)
12/10/2018	SAS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)
12/10/2018	VLF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
12/10/2018	SMC	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (600 đ/cp)



## Liên hệ:

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

## Phòng khách hàng định chế

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định  
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.